| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ N**<br>TỈNH N | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số 112 /2022 /QĐCNTTLH | *TP.N, ngày 13 tháng 12 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

- Căn cứ vào các Điều 32, 33, 34, 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh Nguyễn Việt T và chị Vũ Thị H

Sau khi nghiên cứu đơn yêu cầu đề ngày 17 tháng 11 năm 2022 tại Hồ sơ Hòa giải đối thoại tại Tòa án số 204/2022/HNGĐ ngày 18/11/2022 về việc ly hôn, nuôi con khi ly hôn giữa:

- Anh **Nguyễn Việt T**, sinh năm 1979.

Nơi ĐKHKTT: Số nhà 08, ngách 2/55, đường T, phố T, phường T, thành phố N, tỉnh N.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 01, ngõ 33, đường T, phố T, phường T, thành phố N, tỉnh N.

- Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1986.

Nơi ĐKHKTT: Số nhà 08, ngách 2/55, đường T, phố T, phường T, thành phố N, tỉnh N.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 01, ngõ 33, đường T, phố T, phường T, thành phố N, tỉnh N.

- Căn cứ Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 25 tháng 11 năm 2022 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải đối thoại.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 25 tháng 11 năm 2022 có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

## QUYẾT ĐỊNH

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 25 tháng 11 năm 2022 cụ thể như sau:

a. Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Việt T và chị Vũ Thị H thống nhất thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: anh Nguyễn Việt T và chị Vũ Thị H có bốn con chung gồm các cháu: Nguyễn Đình Gia B, sinh ngày 31/10/2011, Nguyễn Đình Thanh A, sinh ngày 10/01/2014, Nguyễn Đình Minh T1, sinh ngày 29/3/2015 và Nguyễn Đình Đ (nay thay đổi tên là Nguyễn Đình Đăng K), sinh ngày 02/7/2018.

Khi ly hôn, anh T và chị H thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con như sau:

+ Giao cho chị Vũ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đình Gia B.

+ Giao cho anh Nguyễn Việt T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ba cháu là: Nguyễn Đình Thanh A, Nguyễn Đình Minh T, Nguyễn Đình Đ (nay thay đổi tên là Nguyễn Đình Đăng K).

Chị Vũ Thị Hiền có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi ba cháu: Nguyễn Đình Thanh A, Nguyễn Đình Minh T1, Nguyễn Đình Đ (nay thay đổi tên là Nguyễn Đình Đăng K) mỗi cháu là 1.000.000đồng (*một triệu đồng*)/tháng, kể từ tháng 12/2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh T, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

c. Về tài sản chung, công nợ chung: anh T và chị H thống nhất tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

**2**. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các bên tham gia hòa giải.
- VKSND Thành phố N;
- TAND tỉnh N
- Chi cục THADS Thành phố NB;
- UBND phường Tân Thành
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

*(đã ký)*

**Nguyễn Thị Bích T**